

Số: /TB-ĐHQB

Quảng Bình, ngày 06 tháng 8 năm 2018

**THÔNG BÁO TUYỂN SINH – BỔ SUNG ĐỢT 1
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM 2018**

I. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH VÀ TỔ HỢP XÉT TUYỂN

Trường Đại học Quảng Bình thông báo nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển bổ sung đợt 1 vào đại học cao đẳng hệ chính quy năm 2018. *Nhà trường xét tuyển song song cả hai phương thức là: Điểm thi THPT Quốc gia năm 2018 và Kết quả học tập năm lớp 12 (Học bạ) cho tất cả các ngành học, cụ thể như sau:*

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển	Mã hóa tổ hợp xét tuyển	Điểm nhận hồ ĐKXT THPT Quốc gia	Điểm nhận hồ ĐKXT Học bạ
I	Các ngành đào tạo đại học:		1074				
1	Giáo dục Mầm non	7140201	1	- Toán, Ngữ văn, NĂNG KHIẾU	M00	17.0 điểm	18.0 điểm
2	Giáo dục Tiểu học	7140202	16	- Toán , Vật lý, Hóa học - Ngữ văn , Lịch sử, Địa lý - Ngữ văn , Toán, GD công dân - Toán , Ngữ văn, Tiếng Anh	A00 C00 C14 D01	17.0 điểm	18.0 điểm
3	Giáo dục Chính trị	7140205	30	- Ngữ văn , Lịch sử, Địa lý - Ngữ văn , Lịch sử, GD công dân - Ngữ văn , Địa lý, GD công dân - Ngữ văn , GD công dân, Tiếng Anh	C00 C19 C20 D66	17.0 điểm	18.0 điểm
4	Sư phạm Toán học	7140209	20	- Toán , Vật lý, Hóa học - Toán , Vật lý, Tiếng Anh - Toán , Vật lý, Sinh học - Toán , Hóa học, Tiếng Anh	A00 A01 A02 D07	17.0 điểm	18.0 điểm
5	Sư phạm Hóa học	7140212	20	- Toán, Vật lý, Hóa học - Toán, Hóa học , Sinh học - Toán, Hóa học , Tiếng Anh	A00 B00 D07	17.0 điểm	18.0 điểm
6	Sư phạm Ngữ văn	7140217	18	- Ngữ văn , Lịch sử, Địa lý - Ngữ văn , Lịch sử, GD công dân - Ngữ văn , Địa lý, GD công dân - Ngữ văn , GD công dân, Tiếng Anh	C00 C19 C20 D66	17.0 điểm	18.0 điểm
7	Sư phạm Lịch sử	7140218	20	- Ngữ văn, Lịch sử , Địa lý - Ngữ văn, Lịch sử , GD Công dân - Ngữ văn, Lịch sử , Tiếng Anh	C00 C19 D14	17.0 điểm	18.0 điểm
8	Ngôn ngữ Anh, (gồm 2 chuyên ngành): - Tiếng Anh Tổng hợp; - Tiếng Anh Du lịch - Thương mại	7220201	143	- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh - Toán, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	D01 D09 D14 D15	14.0 điểm	18.0 điểm
9	Địa lý học (chuyên ngành Địa lý du lịch)	7310501	74	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý - Ngữ văn, Địa lý , GD công dân - Toán, Địa lý , Tiếng Anh - Ngữ văn, Địa lý , Tiếng Anh	C00 C20 D10 D15	14.0 điểm	18.0 điểm
10	Kế toán, (gồm 2 chuyên ngành): - Kế toán Tổng hợp; - Kế toán Doanh nghiệp	7340301	123	- Toán , Vật lý, Hóa học - Toán , Vật lý, Tiếng Anh - Toán , Ngữ văn, Tiếng Anh - Toán , Hóa học, Tiếng Anh	A00 A01 D01 D07	14.0 điểm	18.0 điểm
11	Quản trị kinh doanh	7340101	55	- Toán , Vật lý, Hóa học - Toán , Vật lý, Tiếng Anh - Toán , Ngữ văn, Tiếng Anh - Toán , Hóa học, Tiếng Anh	A00 A01 D01 D07	14.0 điểm	18.0 điểm

12	Luật, (gồm 2 chuyên ngành): - Luật Kinh tế - Thương mại; - Luật Hành chính - Tư pháp	7380101	85	- Toán , Vật lý, Hóa học - Toán , Vật lý, Tiếng Anh - Ngữ văn , Lịch sử, Địa lý - Toán , Ngữ văn, Tiếng Anh	A00 A01 C00 D01	14.0 điểm	18.0 điểm
13	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	60	- Toán , Vật lý, Hóa học - Toán , Vật lý, Tiếng Anh - Toán , Ngữ văn, Tiếng Anh - Toán , Hóa học, Tiếng Anh	A00 A01 D01 D07	14.0 điểm	18.0 điểm
14	Kỹ thuật phần mềm	7480103	50	- Toán , Vật lý, Hóa học - Toán , Vật lý, Tiếng Anh - Toán , Vật lý, Sinh học - Toán , Ngữ văn, Tiếng Anh	A00 A01 A02 D01	14.0 điểm	18.0 điểm
15	Công nghệ thông tin	7480201	43	- Toán , Vật lý, Hóa học - Toán , Vật lý, Tiếng Anh - Toán , Vật lý, Sinh học - Toán , Ngữ văn, Tiếng Anh	A00 A01 A02 D01	14.0 điểm	18.0 điểm
16	Kỹ thuật điện	7520201	79	- Toán, Vật lý , Hóa học - Toán, Vật lý , Tiếng Anh - Toán, Vật lý , Sinh học - Toán , Hóa học, Tiếng Anh	A00 A01 A02 D07	14.0 điểm	18.0 điểm
17	Phát triển nông thôn	7620116	50	- Toán, Vật lý, Hóa học - Toán, Sinh học , Ngữ văn - Ngữ văn, Toán, Lịch sử - Ngữ văn, Toán, Địa lý	A00 B03 C03 C04	14.0 điểm	18.0 điểm
18	Lâm học	7620201	49	- Toán, Vật lý, Hóa học - Toán, Vật lý, Sinh học - Toán, Hóa học, Sinh học - Toán, Sinh học , Ngữ văn	A00 A02 B00 B03	14.0 điểm	18.0 điểm
19	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	60	- Toán, Vật lý, Hóa học - Toán, Hóa học, Sinh học - Toán, Sinh học , Ngữ văn - Ngữ văn, Toán, Địa lý	A00 B00 B03 C04	14.0 điểm	18.0 điểm
20	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	7850101	78	- Toán, Vật lý, Hóa học - Toán, Vật lý, Sinh học - Toán, Hóa học, Sinh học - Toán, Địa lý, Sinh học	A00 A02 B00 B02	14.0 điểm	18.0 điểm
II	Các ngành đào tạo cao đẳng sư phạm		70				
1	Giáo dục Mầm non	51140201	38	Toán, Ngữ văn, NĂNG KHIẾU	M00	15.0 điểm	17.0 điểm
2	Giáo dục Tiểu học	51140202	32	- Toán , Vật lý, Hóa học - Ngữ văn , Lịch Sử, Địa lý - Ngữ văn , Toán, GD công dân - Toán , Ngữ văn, Tiếng Anh	A00 C00 C14 D01	15.0 điểm	17.0 điểm
III	Các ngành đào tạo cao đẳng ngoài sư phạm		380				
1	Việt Nam học (chuyên ngành Văn hóa du lịch)	6220103	40	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý - Ngữ văn, Địa lý , GD công dân - Toán, Ngữ văn , Tiếng Anh - Toán, Địa lý , Tiếng Anh	C00 C20 D01 D10	12.0 điểm	15.0 điểm
2	Tiếng Anh	6220206	40	- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh - Toán, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	D01 D09 D14 D15	12.0 điểm	15.0 điểm
3	Tiếng Trung Quốc	6220209	40	- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh - Toán, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	D01 D09 D14 D15	12.0 điểm	15.0 điểm
4	Quản trị kinh doanh	6340404	50	- Toán , Vật lý, Hóa học - Toán , Vật lý, Tiếng Anh - Toán , Ngữ văn, Tiếng Anh - Toán , Hóa học, Tiếng Anh	A00 A01 D01 D07	12.0 điểm	15.0 điểm
5	Kế toán	6340301	50	- Toán , Vật lý, Hóa học - Toán , Vật lý, Tiếng Anh - Toán , Ngữ văn, Tiếng Anh - Toán , Hóa học, Tiếng Anh	A00 A01 D01 D07	12.0 điểm	15.0 điểm

6	Công nghệ thông tin	6480201	40	- Toán , Vật lý, Hóa học - Toán , Vật lý, Tiếng Anh - Toán , Vật lý, Sinh học - Toán , Ngữ văn, Tiếng Anh	A00 A01 A02 D01	12.0 điểm	15.0 điểm
7	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	40	- Toán, Vật lý , Hóa học - Toán, Vật lý , Tiếng Anh - Toán, Vật lý , Sinh học - Toán , Hóa học, Tiếng Anh	A00 A01 A02 D07	12.0 điểm	15.0 điểm
8	Chăn nuôi (ghép với Thú y)	6620119	40	- Toán , Vật lý, Hóa học - Toán, Ngữ văn, Sinh học - Toán, Hóa học, Sinh học - Toán , Ngữ văn, Địa lý	A00 B03 B00 C04	12.0 điểm	15.0 điểm
9	Nuôi trồng thủy sản	6620303	40	- Toán, Vật lý, Hóa học - Toán, Ngữ văn, Sinh học - Toán, Hóa học, Sinh học - Toán, Ngữ văn, Địa lý	A00 B03 B00 C04	12.0 điểm	15.0 điểm

Lưu ý: Ký hiệu trong các tổ hợp xét tuyển

- Môn thi chính (nhân đôi): Chữ **IN HOA**, đậm
- Môn so sánh: chữ **thường**, đậm

II. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH, PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

1. Đối tượng tuyển sinh: Các ngành sư phạm chỉ tuyển thí sinh có hộ khẩu tại Quảng Bình. Các ngành đào tạo cử nhân, kỹ sư ngoài sư phạm tuyển sinh trong cả nước. Điểm trúng tuyển theo ngành học.

2. Phương thức tuyển sinh:

Nhà trường xét tuyển song song cả 2 phương thức cho tất cả các ngành học như sau:

- Tuyển sinh dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia năm 2018
- Tuyển sinh dựa vào kết quả học tập năm lớp 12 (Học bạ).

III. ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

- Đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Điểm ĐKXT phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào;
- Các ngành đại học có môn thi năng khiếu, Điểm môn thi năng khiếu phải đạt 5,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10).
- Đối với các ngành đại học sư phạm, nếu thí sinh xét theo học bạ thì điểm các môn trong tổ hợp xét tuyển phải lớn hơn hoặc bằng 6 và xếp loại học lực lớp 12 phải từ loại **GIỎI** trở lên.
- Đối với các ngành cao đẳng sư phạm, nếu thí sinh xét theo học bạ thì điểm các môn trong tổ hợp xét tuyển phải lớn hơn hoặc bằng 5 và xếp loại học lực lớp 12 phải từ loại **KHÁ** trở lên.
- Đối với các ngành cao đẳng ngoài sư phạm, nếu thí sinh xét theo học bạ thì điểm các môn trong tổ hợp xét tuyển phải lớn hơn hoặc bằng 5 (theo thang điểm 10).

IV. ĐIỂM XÉT TUYỂN

1. Đối với các ngành xét tuyển dựa vào điểm thi THPT Quốc gia

*Điểm xét tuyển = [Làm tròn đến 2 chữ số sau dấu phẩy] ((Điểm môn 1 * Hệ số môn 1 + Điểm môn 2 * Hệ số môn 2 + Điểm môn 3 * Hệ số môn 3) * 3 / Tổng hệ số 3 môn) + Điểm ưu tiên khu vực + Điểm ưu tiên đối tượng + Điểm khuyến khích).*

2. Đối với các ngành xét học bạ

Điểm xét tuyển = Tổng điểm trung bình cả năm (lớp 12) của tổ hợp xét tuyển + điểm ưu tiên (theo khu vực và đối tượng).

3. Quy định độ lệch chuẩn giữa các tổ hợp xét tuyển và điều kiện phụ

- Quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp: Điểm xét tuyển giữa các tổ hợp là bằng nhau (*không có chênh lệch điểm*)

- Điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: Sử dụng môn so sánh đối với các thí sinh bằng điểm.

V. ƯU TIÊN TRONG TUYỂN SINH

Nhà trường áp dụng ưu tiên trong tuyển sinh về tuyển thẳng và ưu tiên trong xét tuyển vào các ngành học của các đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh hiện hành. Cụ thể:

- Ưu tiên trong tuyển sinh: Ưu tiên theo nhóm đối tượng và khu vực (theo quy định tại Khoản 5 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) với khung điểm ưu tiên theo mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 điểm (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một Phần tư điểm) tương ứng với tổng điểm 3 bài thi/môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) không nhân hệ số theo thang điểm 10.

- Ưu tiên xét tuyển thẳng vào trường các đối tượng được quy định tại khoản 2, và khoản 3 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh hiện hành.

- Thí sinh không dùng quyền tuyển thẳng được Nhà trường ưu tiên trong xét tuyển vào trường theo khoản 3 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh hiện hành.

Đối với các ngành CĐ ngoài sư phạm áp dụng chính sách ưu tiên trong tuyển sinh theo Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. HỒ SƠ, THỜI GIAN, CÁCH THỨC - ĐỊA ĐIỂM ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

1. Hồ sơ ĐKXT

a. Đối với các ngành ĐKXT dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia

- Phiếu ĐKXT (theo mẫu) có ghi rõ đợt xét tuyển. Thí sinh được ĐKXT không giới hạn số nguyện vọng, số trường và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất);

- Bản sao Giấy chứng nhận kết quả thi THPT quốc gia năm 2018;

- Bản sao hợp lệ các loại giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có);

- Một phong bì đã dán sẵn tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh để Nhà trường thông báo kết quả xét tuyển.

b. Đối với các ngành ĐKXT dựa vào kết quả học tập năm lớp 12

+ Phiếu ĐKXT (theo mẫu);

+ Bản sao học bạ THPT;

+ Bản sao bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời;

+ Bản sao hợp lệ các loại giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có);

+ Một phong bì đã dán sẵn tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh để Nhà trường thông báo kết quả xét tuyển.

2. Thời gian, cách thức - địa điểm:

a. Thời gian:

Nhà trường bắt đầu nhận hồ sơ ĐKXT bắt đầu từ ngày 06 tháng 8 năm 2018.

b. Cách thức - địa điểm:

+ Cách 1: **Nộp trực tiếp** tại Phòng Đào tạo (tầng 2, Nhà Hiệu bộ - Trường Đại học Quảng Bình)

+ Cách 2: **Nộp qua đường bưu điện** (căn cứ vào dấu ngày gửi trên phong bì để tính thời gian nộp hồ sơ xét tuyển), Hồ sơ gửi về theo địa chỉ:

Bộ phận tuyển sinh - Phòng Đào tạo - Trường Đại học Quảng Bình

Số 312 Lý Thường Kiệt - TP. Đồng Hới - T.Quảng Bình

VIII. LỆ PHÍ XÉT TUYỂN /THI TUYỂN

Nhà trường áp dụng mức thu lệ phí tuyển sinh theo khoản 1, 2, 3 thông tư 40/2015-TTLT-BTC-BGDĐT, cụ thể như sau:

- Thí sinh sử dụng kết quả thi THPT Quốc gia để xét tuyển vào Trường: 30.000 đồng/nguyên vọng

- Thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng hoặc tuyển thẳng: 30.000 đồng/ nguyên vọng

- Thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành năng khiếu hoặc các ngành có thi năng khiếu:

+ Đăng ký xét tuyển bằng phương thức xét tuyển: 30.000 đồng/ nguyên vọng

+ Đăng ký xét tuyển bằng phương thức thi tuyển các môn năng khiếu: 300.000 đồng/hồ sơ (bao gồm tất cả các môn năng khiếu).

IX. TRÚNG TUYỂN VÀ NHẬP HỌC

1. Thí sinh trúng tuyển vào trường Đại học Quảng Bình phải xác nhận nhập học vào trường trong thời hạn quy định của Bộ GD&ĐT bằng cách gửi bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi THPT Quốc gia đến trường bằng thư chuyển phát nhanh hoặc trực tiếp tại trường.

2. Thí sinh trúng tuyển vào trường Đại học Quảng Bình cần nộp bản sao hợp lệ những giấy tờ sau đây: Học bạ; Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với những người trúng tuyển ngay trong năm tốt nghiệp hoặc bằng tốt nghiệp THPT đối với những người đã tốt nghiệp các năm trước; Giấy khai sinh; Các minh chứng để được hưởng chế độ ưu tiên quy định trong văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT; Giấy triệu tập trúng tuyển.

- Muốn biết thêm chi tiết, thí sinh truy cập vào website: www.quangbinhuni.edu.vn

- Đường dây nóng phục vụ tuyển sinh: 0232.3824052

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Website ĐHQB;
- Các đơn vị;
- Lưu: VT, TS.

PGS. TS. Hoàng Dương Hùng